

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 10 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đệp** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 1988. Địa chỉ: tổ 4, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: ấp 18, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà và ông T sống chung với nhau như vợ chồng, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2015. Ly thân khoảng 4 năm 2021 cho đến nay, lý do: Vợ chồng sống chung nhiều mâu thuẫn, không hợp và cự cãi thường xuyên, ông T ghen tuông vô cớ và hăm dọa bà nhiều lần. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông T.

+ Việc nuôi con và chia tài sản: Bà D và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất theo trình bày của bà D về việc vợ chồng sống chung và có đăng ký kết hôn. Về lý do ly thân, ông cho rằng quá trình sống chung vợ chồng nhiều mâu thuẫn, cự cãi và có rất nhiều mâu thuẫn trong gia đình về tiền bạc. Theo yêu cầu của bà D, ông đồng ý ly hôn.

+ Việc nuôi con và chia tài sản: Ông T thống nhất không có và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà D và ông T.

+ Về quan hệ con và chia tài sản: Do không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp. Bà D và ông T đều xác định trong quá trình sống chung hai bên có nhiều mâu thuẫn. Bà D có đơn yêu cầu ly hôn và ông T đồng ý, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Trần Văn T.

[3]. **Việc nuôi con và việc chia tài sản:** Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Trần Văn T thống nhất không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. **Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003687 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Trần Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Trần Văn T.

2. Việc nuôi con và chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Trần Văn T thống nhất không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003687 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Trần Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn